

Số: 2760/QĐ-ĐHSPHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Quy định trình độ ngoại ngữ đầu vào và đầu ra trong đào tạo Sau đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ, ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập trường Đại học Sư phạm cao cấp (nay là trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ “Điều lệ Trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ “Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 và sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ” ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ “Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành theo Thông tư 08/2017/TT- BGDĐT, ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Quy định về trình độ ngoại ngữ đầu vào và đầu ra trong đào tạo Sau đại học.

Điều 2: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các quy định về trình độ ngoại ngữ đầu vào và đầu ra trong đào tạo Sau đại học trước đây.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng Phòng Sau đại học, Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo)
- Các khoa đào tạo SDH
- Đăng tải trên Website của Trường
- Lưu HCTH + SDH



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đặng Xuân Thư

QUY ĐỊNH TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA TRONG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo quyết định số 2760⁶ /QĐ-DHSPHN, ngày 18/5/2017)

I. BẬC ĐÀO TẠO THẠC SĨ

1. Quy định về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ

1.1. Văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

1.2. Chứng chỉ

BẢNG THAM CHIẾU 1

QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1

Tiếng Anh							
Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác					
Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

Lưu ý:

- Chứng chỉ tiếng Anh cấp độ B1 trở lên được cấp bởi một trong các cơ sở đào tạo sau: Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia HN; Trường ĐH Hà Nội; Trường ĐH sư phạm Hà Nội; Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học Vinh; Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế; ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng; Trường ĐH sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Cần Thơ; Trung tâm SEAMEO RETRAC.

- Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

2. Điều kiện ngoại ngữ đầu vào

- Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của cơ sở đào tạo thuộc một trong các trường hợp như đã nêu ở mục 1 được miễn thi môn ngoại ngữ.

- Thí sinh chưa có các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ như đã nêu ở mục 1 thì sẽ dự thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường ĐHSP Hà Nội.

3. Điều kiện ngoại ngữ đầu ra

Học viên được công nhận đủ trình độ ngoại ngữ để tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Học viên đã đạt các văn bằng ngoại ngữ như đã nêu ở mục 1.1 trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ (xét đầu vào) thì không phải xét điều kiện ngoại ngữ đầu ra.

- Học viên đã có các chứng chỉ ngoại ngữ như đã nêu ở mục 1.2.

* Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận là chứng chỉ còn thời hạn sử dụng trong thời gian 2 năm tính từ ngày cấp (lần thứ nhất) đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ hoặc ngày ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ.

II. BẬC ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

1. Đối với các khoá tuyển sinh trước năm 2017

Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

1.1. Văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành (đào tạo bằng một trong các thứ tiếng sau: tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung);

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài (một trong các thứ tiếng: tiếng Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung);

1.2. Chứng chỉ ngoại ngữ

Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (xem Bảng tham chiếu 2) trong thời hạn 01 năm tính từ ngày cấp (lần thứ nhất) đến ngày nộp hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở.

BẢNG THAM CHIẾU 2

QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B2

Tiếng Anh							
Cấp độ (CEFR)	Khung châu Âu	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
4/6 (Khung VN)	B2	5.5	500 BPT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác					
Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
4/6 (Khung VN)	TRKI 2	DELTA B2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

2. Đối với các khoá tuyển sinh từ năm 2017

2.1. Quy định trình độ ngoại ngữ đối với người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ là công dân Việt Nam

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

2.1.1. Văn bằng

- Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác (tiếng Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung);

- Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

2.1.2. Chứng chỉ ngoại ngữ

Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) hoặc các chứng chỉ trong bảng tham chiếu dưới đây tính từ ngày cấp (lần thứ nhất) đến ngày nộp hồ sơ.

*** Lưu ý**

Người dự tuyển đáp ứng quy định tại mục 2.1.1 khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại mục 2.1.2 khi có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (xem Bảng tham chiếu 3) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày nộp hồ sơ thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

2.2. Quy định trình độ ngoại ngữ đối với người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ là công dân nước ngoài

Người dự tuyển là công dân nước ngoài cần phải đáp ứng một trong ba điều kiện sau:

2.2.1. Chứng chỉ tiếng Việt

Có chứng chỉ trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài

2.2.2. Chứng chỉ ngoại ngữ

Có một trong các chứng chỉ tiếng nước ngoài là ngôn ngữ thứ hai ở trình độ tương đương theo bảng tham chiếu 3.

BẢNG THAM CHIẾU 3 - CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

2.2.3. Văn bằng

Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo bằng ngôn ngữ thứ hai hoặc ngành, chuyên ngành đào tạo là ngôn ngữ nước ngoài của một trong các thứ tiếng sau: tiếng Việt, Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung, Nhật.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đặng Xuân Thu